**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ ĐẤT NƯỚC HIỆN NAY**

**PGS,TS Nguyễn Viết Thảo**

*Nguyên Phó Giám đốc*

*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

**Mục tiêu:**

*Về kiến thức*: luận chứng lý luận và thực tiễn về tầm nhìn, mục tiêu và định hướng phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI.

*Về kỹ năng*: góp phần tạo cơ sở hình thành, phát triển kỹ năng nhận biết, xử lý các yêu cầu về tầm nhìn, mục tiêu và định hướng phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI.

*Về tư tưởng*: góp phần củng cố lập trường, quan điểm về tầm nhìn, mục tiêu và định hướng phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI.

NỘI DUNG:

1. **Con đường phát triển và các mục tiêu chiến lược của Việt Nam đến giữa thế kỷ XXI**
   1. ***Con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội: tất yếu lịch sử của Việt Nam từ đầu thế kỷ XX***

Kể từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (1858), các phong trào đấu tranh yêu nước đã dấy lên mạnh mẽ bằng nhiều con đường khác nhau. Nổi bật là Phong trào Cần Vương của các sĩ phu yêu nước chủ trương đánh Tây, bảo toàn chính thể phong kiến; Phong trào Duy tân của các văn thân tiến bộ nêu ra yêu sách cải cách chế độ thực dân; Phong trào Đông du mong chờ sự giúp đỡ của cường quốc Mặt trời mọc; khởi nghĩa Yên Thế của lãnh tụ nông dân Hoàng Hoa Thám; các cuộc vận động của các lãnh tụ tiểu tư sản Nguyễn Thái Học, Lương Văn Can… Các phong trào này, tuy rất kiên cường, nhưng đều không thành công vì một nguyên nhân chung, đó là con đường và mục tiêu đấu tranh không còn phù hợp với yêu cầu của quốc gia dân tộc trong thời đại mới, được mở ra từ Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.

Trong bối cảnh đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc mới phải đi tìm con đường cách mạng phù hợp và đã tìm thấy con đường duy nhất đúng đắn để giải phóng dân tộc là con đường cách mạng vô sản, gắn đấu tranh chống tư bản thực dân với đấu tranh xóa bỏ chế độ xã hội của bóc lột, nô dịch, bất công, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng ngày 3 tháng 2 năm 1930, khẳng định lãnh đạo nhân dân Việt Nam tiến hành thổ địa cách mạng và tư sản dân quyền cách mạng để tiến lên xã hội cộng sản. Trên thực tế, hàng chục triệu nhân dân Việt Nam đã đứng dậy đi theo con đường này, vì bát cơm, tấm áo, ruộng đất về tay dân cày, vận mệnh quốc gia về tay người lao động, vì tự do và hạnh phúc của con người.

Mặc dù xét trên phương diện phương thức sản xuất, chưa có đầy đủ tiền đề khách quan, nhưng trên phương diện chính trị và các mâu thuẫn xã hội ở Việt Nam đầu thế kỷ XX đã xuất hiện tất yếu lịch sử của con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đây là con đường duy nhất phù hợp để gắn cách mạng Việt Nam thành bộ phận hữu cơ của cách mạng thế giới, đánh đổ chế độ thực dân - phong kiến, giải phóng dân tộc và phát triển đất nước trong bối cảnh quốc gia và quốc tế đầu thế kỷ XX.

Từ năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng, giành được những thắng lợi vĩ đại. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, tiếp tục đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. (1)

Trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Việt Nam không chỉ là tấm gương giải phóng dân tộc, mà còn là một dẫn chứng không thể thiếu về phát triển năng động, bền vững trong thế giới ngày nay. Chỉ sau 10 năm đổi mới, năm 1996 đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và đến năm 2010 trở thành quốc gia có thu nhập trung bình, bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đến năm 2020, GDP của Việt Nam đạt trên 345 tỷ USD, vượt qua Singapore (337,5 tỷ USD) và Malaysia (336,3 tỷ USD) để chiếm vị trí thứ 4 Đông Nam Á; GDP bình quân đầu người đạt trên 3.500 USD, xếp thứ 6 trong khu vực ASEAN. Việt Nam xếp thứ 42/131 quốc gia và nền kinh tế về chỉ số đổi mới sáng tạo, dẫn đầu nhóm 29 quốc gia có cùng mức thu nhập và đứng thứ 3 khu vực Đông Nam Á. Với mức điểm 0,704 năm 2020, Việt Nam đứng thứ 117/189 quốc gia và vùng lãnh thổ về chỉ số phát triển con người (HDI), tăng 46% so với năm 1990. Theo chuẩn nghèo đa chiều, đến năm 2020, cả nước chỉ còn dưới 3% hộ nghèo, so với 14,2% năm 2010 và gần 60% những năm trước đổi mới. Đóng góp của các nhân tố năng suất tổng hợp vào tăng trưởng kinh tế đạt 39% năm 2020, vượt mục tiêu đề ra (35%) và vượt xa mức dưới 25% những năm cuối thế kỷ XX.(2). Năm 2021, kinh tế tiếp tục tăng trưởng 2,58%, thu hút trên 31 tỷ USD đầu tư trực tiếp nước ngoài, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 22,6%, đạt gần 670 tỷ USD, chính trị - xã hội ổn định, phòng chống dịch bệnh đạt nhiều kết quả ấn tượng, Việt Nam trở thành một trong 20 nền kinh tế - thương mại lớn nhất toàn cầu, thành viên tích cực trong cộng đồng quốc tế.(3) Đất nước chưa bao giờ có cơ đồ, vị thế, uy tín và sức mạnh như ngày nay.

Những thành tựu vĩ đại mà Đảng và nhân dân ta đạt được từ năm 1930 đến nay khẳng định một cách thuyết phục tính đúng đắn của con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

* 1. ***Con đường phát triển và các mục tiêu chiến lược ở Việt Nam hiện nay***

Kiên định con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Việt Nam vững bước tới mục tiêu **Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh**. Bên cạnh đó, toàn Đảng, toàn dân quyết tâm xây dựng chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

**Mục tiêu chiến lược** đã được Đại hội XIII của Đảng nêu ra là, phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Các mục tiêu cụ thể được xác định gồm: đến năm 2025, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao.(4)

Nước công nghiệp (industrial country), nước công nghiệp hóa mới (new industrialized country), nước phát triển (developed country), nền kinh tế phát triển (developed economy), nền kinh tế tiên tiến (advanced economy)… là những thuật ngữ có nhiều nội dung đồng nghĩa dùng để chỉ các quốc gia đã hoàn thành quá trình công nghiệp hóa, có thu nhập bình quân đầu người từ 25.000 đến 30.000 USD/năm trở lên, có các chỉ số phát triển kinh tế - xã hội, chỉ số phát triển con người (HDI), chỉ số bảo vệ môi trường sinh thái… ở mức cao. Hiện nay, toàn thế giới có 48 quốc gia và vùng lãnh thổ đạt tiêu chí nước phát triển có nền công nghiệp hiện đại, riêng châu Âu có 35 quốc gia và vùng lãnh thổ.(5)

Để đạt mục tiêu có nền công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2025, có nền công nghiệp hiện đại vào năm 2030, trở thành nước phát triển vào năm 2045, Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030 nêu rõ các chỉ tiêu: tăng trưởng bình quân 7%/năm; GDP bình quân đầu người đạt 7.500 USD vào năm 2030; công nghiệp chế tạo, chế biến chiếm 30% GDP; kinh tế số đạt 30% GDP; tỷ lệ đô thị hóa trên 50%; đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) đạt 50% tăng trưởng; chỉ số HDI trên 0,7 điểm; tỷ lệ che phủ rừng đạt 42%; giảm 9% lượng phát thải khí nhà kính; tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt trên 70%...(6)

Theo chuẩn của Ngân hàng Thế giới hiện nay, các quốc gia có thu nhập trung bình có tổng thu nhập quốc dân (Gross National Income - GNI) bình quân đầu người từ 1.026 USD đến 12.475 USD/năm, trong đó từ 1.026 USD đến 3.955 USD là mức thu nhập trung bình thấp và từ 3.956 USD đến 12.475 USD là thu nhập trung bình cao. Vượt qua mức 12.475 USD/người/năm là mức thu nhập cao. Các quốc gia có thu nhập trung bình chiếm tỉ trọng lớn về dân số và trong hoạt động kinh tế của thế giới, với 53 quốc gia có thu nhập trung bình thấp và 56 quốc gia có thu nhập trung bình cao. Đối với các quốc gia có thu nhập trung bình thấp, vấn đề lớn nhất là cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho người dân. Đối với các quốc gia có thu nhập trung bình cao, thách thức lớn nhất là quản trị kinh tế - xã hội.

Để xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, cần vững bước trên các **phương hướng cơ bản**: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Trong quá trình thực hiện các phương hướng cơ bản đó, phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt các **mối quan hệ lớn**: quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

1. **Tầm nhìn về cơ hội và thách thức trong quá trình thực hiện con đường phát triển và các mục tiêu chiến lược của Việt Nam đến giữa thế kỷ XXI** 
   1. ***Cơ hội, tiềm năng, lợi thế***

*Xu thế lớn của thế giới tiếp tục là hòa bình, hợp tác và phát triển*, *đó là cơ hội quý giá mà Việt Nam cần tận dụng*. Nhìn lại lịch sử cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay, thấy rất rõ một sự thật rằng, trong nhiều thập kỷ, Đảng và nhân dân ta phải tiến hành công cuộc xây dựng đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh chiến tranh cả trong phạm vi quốc gia và ở quy mô toàn cầu. Xu thế đối lập, đối đầu giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, cũng như các cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân, đế quốc đã đặt con đường và mục tiêu phát triển của Việt Nam vào hoàn cảnh đặc thù của chiến tranh, trong đó có rất nhiều bất lợi, trở ngại, khó khăn. Các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội không thể được hoàn thành trọn vẹn các mục tiêu, nhiệm vụ. Quy mô thiệt hại về vật chất, con người ở mức rất lớn. Mô hình, thể chế, nội dung, cách thức phát triển trong thời chiến, chiến tranh lạnh, hoặc trong xu thế đối đầu Đông - Tây, do tồn tại quá dài liên tục qua nhiều thế hệ, đã được nhìn nhận như điều bình thường, tất yếu. Đây là những yếu tố gây ảnh hưởng nặng nề đến mục tiêu, con đường và trình độ phát triển của đất nước trước năm 1986.

Từ cuối thế kỷ XX đến nay, đã xuất hiện nhiều xu thế mới trong đời sống thế giới, trong đó xu thế lớn là hòa bình, hợp tác và phát triển. Mặc dù còn nhiều mâu thuẫn gay go, phức tạp, nhưng các quốc gia trên thế giới, các thế lực toàn cầu đều ưu tiên cho mục tiêu phát triển nhằm phòng tránh nguy cơ, thậm chí khắc phục sự tụt hậu (tương đối và tuyệt đối) về trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Thay cho tư duy thắng - thua (tổng bằng không), là tư duy các bên cùng có lợi (win-win) lấy hợp tác làm phương thức chủ đạo trong các quan hệ quốc tế. Hợp tác song phương và đa phương; hợp tác tiểu vùng, khu vực, liên khu vực và toàn cầu; hợp tác kinh tế - thương mại, văn hóa - xã hội, khoa học - giáo dục, quân sự - an ninh và chính trị - ngoại giao; hợp tác chính phủ và phi chính phủ; hợp tác trên các cấp độ tối huệ quốc, đối tác và đối tác chiến lược… đang tạo ra bức tranh hợp tác ngày càng toàn diện, sâu rộng gắn kết các quốc gia dân tộc với nhau bằng rất nhiều loại hình lợi ích, biến họ trở thành các chủ thể tùy thuộc lẫn nhau ngày càng hữu cơ, sống còn.

Trong bối cảnh này, chiến tranh được nhìn nhận như sự đổ vỡ, thiệt hại chung cho tất cả các bên; không lực lượng nào được hưởng lợi từ các cuộc chiến tranh lớn giữa các cường quốc. Các cơ chế, biện pháp phòng ngừa chiến tranh và các sáng kiến xử lý các nguy cơ chiến tranh liên tục hình thành, bổ sung, hoàn thiện. Trên thực tế, nhiều cuộc khủng hoảng trong đời sống quốc tế, tuy rất gay gắt, nóng bỏng, nhưng đều được tháo gỡ ở phút chót: cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung từ năm 2019; khủng hoảng quan hệ Mỹ, EU với Nga đầu năm 2022; khủng hoảng quan hệ Mỹ - Triều Tiên, Mỹ - Vênêxuêla trong những năm vừa qua… An ninh toàn cầu còn phức tạp, khó lường nhưng hòa bình vẫn được bảo đảm bằng những yếu tố của bản thân thế giới ngày nay, mà theo giới nghiên cứu chiến lược quốc tế có thể kéo dài trong những thập kỷ tới.

*Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới đã đem lại cho đất nước cơ đồ, vị thế, uy tín và sức mạnh mới, tạo ra tiềm năng toàn diện cho con đường, mục tiêu phát triển của Việt Nam*. Đại hội XIII (2021) của Đảng khẳng định: “Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hoá. Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”(7)

Từ năm 1986 đến nay, nền kinh tế của đất nước tăng trưởng ở mức tương đối cao, đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện, tình hình chính trị và xã hội ổn định, quan hệ đối ngoại được mở rộng và vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Mức tăng trưởng GDP bình quân hằng năm trong giai đoạn đầu đổi mới (1986-1990) chỉ đạt 4,4%; đến giai đoạn 1991-1995 đã tăng gấp đôi, đạt 8,2%/năm; các giai đoạn sau đó đều có mức tăng trưởng khá cao; giai đoạn 2016-2021 đạt mức bình quân 6,8%. Từ chỗ thiếu ăn, Việt Nam trở thành một trong những nước xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới. Hệ thống 16 hiệp định tự do thương mại (FTA) mà Việt Nam tham gia có độ phủ rộng hầu hết các châu lục với gần 60 nền kinh tế có tổng GDP chiếm gần 90% GDP thế giới, trong đó có 15 nước thành viên G20, đem lại cho đất nước tiềm năng lớn về tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Tỷ lệ hộ nghèo trên cả nước đã giảm từ 58% năm 1993 xuống 22% năm 2005; 9,45% năm 2010; 7% năm 2015 và dưới 3% năm 2020 theo chuẩn nghèo đa chiều. Đã giải quyết cho hơn 112,5 triệu lượt người hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội. Năm 2020, lần đầu tiên Việt Nam có 4 cơ sở giáo dục đại học được vào top 1.000 trường đại học tốt nhất thế giới.(8) **Việc thực hiện đường lối đối ngoại toàn diện, hiện đại dựa trên ba trụ cột: đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân đã góp phần rất quan trọng giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi cho công cuộc đổi mới, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, nâng cao vị thế đất nước, từ vị trí tham dự các hoạt động quốc tế đến vai trò tham gia định hình các thể chế quốc tế.**

*Vị trí địa chính trị và địa kinh tế nằm ở tuyến chủ lưu trong khu vực phát triển năng động nhất thế giới hiện này là châu Á - Thái Bình Dương tạo ra lợi thế quan trọng cho Việt Nam trên con đường phát triển*. Châu Á - Thái Bình Dương **(APAC), theo nguyên nghĩa,** là một khu vực nằm ở phía Tây Thái Bình Dương, bao gồm nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ Đông Á, Đông Nam Á, Australia và châu Đại Dương; theo nghĩa phổ biến hiện nay, là khu vực mở rộng ra phần lớn châu Á, các nước nằm trong [vành đai Thái Bình Dương](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C3%A0nh_%C4%91ai_Th%C3%A1i_B%C3%ACnh_D%C6%B0%C6%A1ng) kéo dài từ [châu Đại Dương](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A2u_%C4%90%E1%BA%A1i_D%C6%B0%C6%A1ng) đến [Nga](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nga), vòng xuống phía tây [châu Mỹ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A2u_M%E1%BB%B9) ([Nga](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nga), [Canada](https://vi.wikipedia.org/wiki/Canada), [Hoa Kỳ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Hoa_K%E1%BB%B3), [México](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%A9xico), [Peru](https://vi.wikipedia.org/wiki/Peru), [Chile](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chile)…). Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực có trữ lượng dầu mỏ, khí đốt rất lớn; là một trong ba trung tâm kinh tế toàn cầu (40% dân số, 60% GDP, 50% thương mại) và là khu vực phát triển năng động nhất, nơi có 3 nền kinh tế lớn nhất thế giới là Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, có 9 thành viên thuộc Nhóm G20 và nhiều nền kinh tế mới nổi, năng động như Trung Quốc, Ấn Độ, các nước công nghiệp hóa mới, các nước cải cách, đổi mới thành công…

Bước sang thế kỷ XXI, nền kinh tế các nước Đông Á như trụ cột của khu vực châu Á - Thái Bình Dương có nhiều bước tiến lớn: chiếm 30% tổng lượng xuất khẩu của thế giới, 2/3 tổng lượng dự trữ ngoại hối của thế giới, 36% tỷ trọng kinh tế toàn cầu, trên châu Âu và Bắc Mỹ, cơ chế hợp tác đa phương khu vực không ngừng được cải thiện, đổi mới sáng tạo, dẫn đầu thế giới về tự do kinh tế - thương mại. GDP năm 2020 của các nước Đông Á tính theo sức mua tương đương (PPP - Purchasing Power Parity) đạt 34.000 tỷ USD, tương đương 40% GDP thế giới. Năm 2050, tỷ trọng kinh tế của ba khu vực Đông Á, Bắc Mỹ và EU trong nền kinh tế thế giới sẽ lần lượt là 42%; 15% và 10%.

Nhìn lại lịch sử, đã có thời đại trung tâm phát triển của thế giới tồn tại ở châu Á; rồi sau đó dịch chuyển sang châu Âu - Đại Tây Dương và ở thời đương đại lại trở về châu Á - Thái Bình Dương. Từ năm 1945 đến nay, đã liên tiếp xuất hiện các thần kỳ về phát triển (miracles of development) là Nhật Bản sau chiến tranh thế giới II, các con hổ châu Á (Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Hồng Công) thập kỷ 90 của thế kỷ XX và Trung Quốc trở thành nước lớn đặc sắc thời đại mới đầu thế kỷ XXI. Dòng chảy lớn của lịch sử thế giới đang tạo ra xu thế và cơ hội vô cùng quý báu cho các quốc gia trong khu vực, trong đó có Việt Nam được hưởng làn sóng tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ, bền vững.

* 1. ***Thách thức, khó khăn, bất lợi***

*Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo*. Môi trường an ninh đang có nhiều biểu hiện tiêu cực nghiêm trọng, cả trên quy mô toàn cầu và khu vực, quốc gia. Các yếu tố đe dọa an ninh truyền thống như xung đột quân sự, xung đột ý thức hệ, xung đột lợi ích quốc gia dân tộc… vẫn tiếp tục gay gắt; đồng thời, các yếu tố đe dọa an ninh phi truyền thống như xung đột văn hóa, tôn giáo, sắc tộc, sự chia cắt giữa các nền tảng công nghệ, nguy cơ chiến tranh thông tin, sinh học, nguy cơ môi trường sinh thái bị hủy diệt, nguy cơ dịch bệnh toàn cầu… ngày càng đáng lo ngại, khó phòng chống. Chỉ cần một số sai lầm nhỏ, hành vi thiếu kiểm soát trong bộ máy quyền lực toàn cầu đều có thể biến nguy cơ xung đột, chiến tranh thành hiện thực hủy diệt hàng loạt thành tựu và cơ hội phát triển trên phạm vi toàn thế giới.

Trong môi trường an ninh như vậy, đã xuất hiện không ít quá trình, diễn biến, sự kiện gây trở ngại cho sự phát triển của mọi quốc gia dân tộc trên thế giới hiện nay. Trên lĩnh vực tư tưởng - chính trị, đó là sự tái xuất hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, sô vanh, cường quyền nước lớn, chủ nghĩa dân túy, dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa khủng bố quốc tế, nguy cơ chiến tranh lạnh mới… Trên lĩnh vực kinh tế - thương mại, đó là mô hình tự do mới đang cố tình áp đặt mô hình Mỹ, mô hình tư bản chủ nghĩa lên toàn thế giới, chủ nghĩa bảo hộ đi ngược lại xu thế toàn cầu hóa, âm mưu chia cắt kinh tế thế giới, nguy cơ khủng hoảng cục bộ và đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu ngày càng nghiêm trọng… Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, đó là sự phân hóa hai cực ngày càng gia tăng, dẫn đến sự loại trừ nhau rất thô bạo, phi nhân tính, sự mất cân đối, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, xây dựng các quan hệ xã hội lành mạnh, nguy cơ xung đột giữa các nền văn minh, các cộng đồng văn hóa - xã hội…

*Việt Nam nằm ở tuyến chiến địa trong cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ở châu Á - Thái Bình Dương chứa đựng nhiều nguy cơ xung đột, chiến tranh*. Trong vòng 500 năm qua, thế giới đã trải qua 16 lần có sự cạnh tranh ngôi vị bá quyền giữa siêu cường mới nổi với siêu cường hiện tồn; chỉ có 4 lần diễn ra trong bối cảnh tương đối hòa bình, còn lại 12 lần xảy ra chiến tranh lớn. Thực tế ấy đã khiến cho các nhà nghiên cứu lịch sử nhìn nhận chiến tranh như một định mệnh của loài người mỗi khi xuất hiện một thế lực toàn cầu mới.(9)

Với những thành tựu to lớn, toàn diện của công cuộc cải cách, mở cửa bắt đầu từ năm 1978, Trung Quốc đã vươn lên mạnh mẽ, trở thành nền kinh tế thứ hai thế giới, đại công xưởng sản xuất toàn cầu, thế lực thương mại số một, cường quốc khoa học - công nghệ, có quân đội hàng đầu thế giới, chủ động dẫn dắt hội nhập quốc tế trên quy mô thật sự rộng lớn… Trung Quốc vừa là đối tác khó bỏ qua và đối thủ khó chấp nhận của siêu cường Mỹ. Nhưng trên hết, đúng như Jens Stoltenberg, Tổng Thư ký NATO nhận định vào tháng 6 năm 2020 rằng Trung Quốc là mối đe dọa quá lớn để Mỹ có thể tự mình đối phó.(10)

Từ đầu năm 2018 đến nay, các chính quyền Mỹ công khai phát động thực hiện cuộc cạnh tranh chiến lược, chiến tranh thương mại, các biện pháp trừng phạt nặng nề, thậm chí cả đe dọa quân sự… chống Trung Quốc. Hai nước đã bước vào cuộc chiến vì ngôi vị đứng đầu quyền lực thế giới một cách không khoan nhượng.

Cuộc cạnh tranh này mặc dù diễn ra trên phạm vi rộng lớn nhưng sẽ phân định thắng bại ở châu Á - Thái Bình Dương. Vì vậy, toàn khu vực sẽ chịu sự tác động của các dịch chuyển địa chính trị, địa kinh tế và tiếp tục có những biến động phức tạp rất khó dự đoán trong những năm tới. Các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại… của các quốc gia trong khu vực sẽ phụ thuộc nhiều vào biến số từ cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc.

Hệ quả từ cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung đối với con đường, mục tiêu phát triển của thế giới, nhất là các quốc gia nằm ở khu vực chiến địa châu Á - Thái Bình Dương trong đó có Việt Nam là rất phức tạp. Chắc chắn chính quyền Mỹ sẽ tập hợp các đồng minh và đối tác thành lực lượng toàn cầu chống lại sự vươn lên của cường quốc Trung Quốc; về phần mình, Trung Quốc cũng sẽ tập hợp lực lượng cần thiết trên trường quốc tế. Một cuộc tái cấu trúc lực lượng trên phạm vị thế giới thành hai bên là điều không tránh khỏi, nhưng hoàn toàn trái với lô gích của thế giới đã trở thành chuỗi giá trị toàn cầu hiện nay. Nguy cơ bị cuốn theo dòng xoáy của sự chọn bên, phân tuyến Mỹ - Trung đang rất hiện hữu trên con đường phát triển của Việt Nam trong những năm tới.

*Ở trong nước, bốn nguy cơ vẫn tồn tại, có mặt gay gắt hơn, cộng với nguy cơ về môi trường sinh thái trở thành những nguy cơ rủi ro, thách thức rất lớn đối với đất nước*.Một là, đất nước rơi vào bẫy thu nhập trung bình do hệ thống chính sách không tạo đủ động lực cho đất nước phát triển nhanh và bền vững. Mặc dù đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, nhưng nước ta vẫn tụt hậu ít là 5-10 năm, nhiều là 20 năm trở lên về trình độ phát triển so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Phát triển nhanh và bền vững là hướng đi đúng đắn, nhưng để phát triển nhanh, cần một hệ thống chính sách khác với hệ thống chính sách cần thiết cho phát triển bền vững. Thách thức đặt ra ở đây là năng lực và nghệ thuật kết hợp hai hệ thống chính sách khác nhau ấy, thậm chí đối lập nhau trong một quá trình phát triển thông nhất. Hai là, chuỗi giá trị toàn cầu bị đứt gãy nghiêm trọng do khủng hoảng, dịch bệnh…làm đình trệ nền sản xuất, kinh doanh của Việt Nam. Theo thống kê của các tổ chức quốc tế, từ năm 1970 đến nay đã nổ ra hàng chục cuộc khủng hoảng kinh tế và nhiều cuộc khủng hoảng y tế do đại dịch toàn cầu gây ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến tất cả các nền kinh tế và các quốc gia trên thế giới, nhất là các quốc gia có độ mở kinh tế lớn như Việt Nam hiện nay. Ba là, tình trạng biến đổi khí hậu, trái đất ấm lên, nước biển dâng trong kịch bản tồi tệ nhất đặt Việt Nam vào bối cảnh rối loạn khó lường. Dù xảy ra kịch bản nào trong các kịch bản mà thế giới và trong nước xác định, Việt Nam đều là một trong các quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề, nghiêm trọng nhất, có thể bị tiêu tan không gian, đất đai và sinh kế của vài triệu đến hàng chục triệu người ở đồng bằng sông Cửu Long và các địa phương ven biển. Bất ổn, thậm chí rối loạn xã hội hoàn toàn có thể xảy ra trong các tình huống đó.

3. **Nâng cao năng lực lãnh đạo kiên định con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; thực hiện các mục tiêu chiến lược của đất nước đến giữa thế kỷ XX**

***3.1. Đảm bảo tầm nhìn lãnh đạo đúng đắn, kịp thời trong thế giới đang thay đổi***

Xây dựng tầm nhìn là thiên chức đầu tiên của người lãnh đạo vì trên cơ sở sở tầm nhìn đúng đắn và vượt trước, người lãnh đạo mới vạch ra được con đường phát triển phù hợp cho tổ chức hoặc thể chế do mình đứng đầu và dẫn đường cho mọi người đi theo tới mục tiêu, mục đích đã đề ra. Năng lực lãnh đạo thực hiện con đường phát triển và các mục tiêu chiến lược của Việt Nam đến giữa thế kỷ XX trước hết là năng lực xây dựng một số tầm nhìn cấp thiết sau đây:

*Tầm nhìn về xu thế phát triển bền vững của thế giới*. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, mô hình phát triển của đông đảo các quốc gia dân tộc trên thế giới đều coi trọng tăng trưởng kinh tế, tạo ra nhanh và nhiều tư liệu tiêu dùng và tư liệu sản xuất cho con người ở mọi cấp độ. Trong nhiều thập kỷ, cộng đồng quốc tế sử dụng một chỉ số duy nhất (nếu không thì cũng là chỉ số hàng đầu) là GDP bình quân đầu người để xác định trình độ phát triển của từng quốc gia dân tộc. Hầu hết các lý thuyết phát triển, về cơ bản, là các lý thuyết phát triển kinh tế. Tư duy, chính sách và thực tiễn phát triển này rõ ràng là mang nặng thiên hướng phát triển duy kinh tế (economist development), vừa tạo ra nhiều quá trình tăng trưởng ngoạn mục, sản xuất ra lượng của cải vật chất dồi dào, đảm bảo tiêu dùng ngày càng cao, thúc đẩy ngoại thương rộng mở…; đồng thời, vừa gây ra những phiến diện của bản thân sự phát triển trên các bình diện xã hội, văn hóa, môi trường…

Đến cuối thế kỷ XX, cộng đồng quốc tế có nhiều thức tỉnh trong nhận thức về nội hàm của phát triển và đã có ngày càng nhiều tiếng nói yêu cầu bổ sung, hoàn thiện mô hình phát triển phù hợp, đầy đủ. Bên cạnh nhu cầu vật chất vẫn rất được coi trọng, thế giới đã xác định thêm phát triển xã hội, phát triển văn hóa, phát triển con người, đảm bảo môi trường sinh thái… như nội dung không thể thiếu cho nội dung phát triển hiện đại. Hàng loạt các chỉ số đánh giá trình độ phát triển của từng quốc gia dân tộc đã được áp dụng chính thức, phổ biến, thậm chí bắt buộc trên toàn thế giới: chỉ số phát triển con người (HDI), hệ số GINI, hệ số ICOR, chỉ số người nghèo (HPI); chỉ số phát triển giới (GDI)… Đặc biệt, sau khủng hoảng 2008, cộng đồng quốc tế thống nhất rất cao chuyển hẳn sang mô hình phát triển bền vững (sustanaible development). Năm 2015, Liên hợp công bố 17 mục tiêu **phát triển bền vững** (SDG), được cụ thể hóa thành 169 chỉ tiêu rất sinh động để chính phủ ở 193 quốc gia thành viên triển khai thực hiện đến năm 2030 phải hoàn thành(11). Đây là mô hình phát triển bao trùm, toàn diện (inclusive development), sự phát triển hôm nay phải là tiền đề cho phát triển của ngày mai, không đánh đổi văn hóa, tiến bộ xã hội, môi trường sinh thái… lấy tăng trưởng kinh tế, không để cá nhân, tầng lớp xã hội, cộng đồng, quốc gia dân tộc nào bị loại trừ ra khỏi quá trình phát triển.

Trong quá trình đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử vì đất nước đã vận động phù hợp với xu thế phát triển của thế giới; sức mạnh quốc gia được kết hợp hiệu quả với sức mạnh quốc tế; dân tộc và nhân loại chia sẻ lãn nhau các giá trị chung là hòa bình, độc lập, dân chủ, hợp tác và phát triển. Lô gích này tiếp tục thể hiện tính tất yếu của nó trong những thời kỳ phát triển tiếp theo của Việt Nam.

*Tầm nhìn về bước ngoặt vận động của thế giới do cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra*. Phát triển là một quá trình lịch sử - tự nhiên từ trình độ thấp lên trình độ cao, được quyết định suy cho cùng bằng các yếu tố vật chất khách quan, trong đó có nguồn lực con người, nguồn lực tự nhiên, tư liệu sản xuất… Trong quá trình lịch sử - tự nhiên đó, những bước ngoặt chuyển trình độ, nấc thang phát triển đều gắn với những phát minh lịch sử, với sự ra đời của những nền văn minh lớn, với những cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật.

Từ thời cận đại đến nay, các bước ngoặt phát triển của thế giới đều có tiền đề từ các cuộc cách mạng công nghiệp. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra vào cuối thế kỷ XVIII, khai sinh ra máy hơi nước, thiết bị cơ khí, dây chuyền sản xuất công nghiệp…thay thế rất nhiều lao động cơ bắp của con người; nó cũng sản sinh ra nền sản xuất hàng hóa, nhu cầu về thị trường, tất yếu của kinh tế thị trường… và, vì vậy, nó trở thành căn nguyên kinh tế - vật chất cho cách mạng tư sản lật đổ chế độ phong kiến mà về bản chất kinh tế - xã hội không thể tương dung với quy luật giá trị, quy luật cung - cầu, quy luật cạnh tranh, với tự do công dân, dân chủ và xã hội pháp quyền. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai diễn ra vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX khai sinh ra máy phát điện và kỷ nguyên điện khí hóa nền sản xuất vật chất và toàn bộ đời sống xã hội; nó tạo ra quy luật phát triển không đều của dây chuyền tư bản đế quốc, nhu cầu phân chia lại thị trường thế giới, mâu thuẫn giữa đế quốc với đế quốc… và, cuối cùng, tạo ra thời cơ cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới ở nước Nga năm 1917. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba diễn ra vào giữa thập kỷ 70 của thế kỷ XX, khai sinh ra thiết bị điện tử, máy vi tính, công nghệ tin học… làm thay đổi căn bản công nghệ của nền sản xuất vật chất, nên nó được định danh thành cách mạng khoa học công nghệ. Do sớm thích nghi và điều chỉnh với cuộc cách mạng này, chủ nghĩa tư bản đã thoát khỏi cuộc khủng hoảng nghiêm trọng và mở ra thời kỳ phát triển rất năng động. Ngược lại, do chậm trễ và bảo thủ trước bối cảnh mới, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã dần mất đi ưu thế, lâm vào khủng hoảng nặng nề vào cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra vào đầu thế kỷ XXI, khai sinh ra nhiều nền tảng công nghệ mới (internet van vật, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, sản xuất theo công nghệ 3D, biến đổi gen và công nghệ sinh học…), buộc toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội phải tiến hành quá trình chuyển đổi số, gắn kết hiện thực vật thể (physical reality) với hiện thực ảo (virtual reality), cái tự nhiên (natural) với cái nhân tạo (artificial), gần như không còn khoảng cách về không gian và thời gian.

Chuyển đổi số (digital) là bước phát triển thứ ba của công nghệ số (digital technology), tiếp theo hai bước đầu tiên là cạnh tranh số (digital competence) và ứng dụng số (digital use). Nó tạo ra một phương thức giao tiếp mới trên cơ sở một bảng chữ cái mới của ngôn ngữ số dùng chung toàn cầu, thay thế văn bản giấy viết bằng rất nhiều bảng chữ cái truyền thống khác nhau. Mọi thông tin, số liệu, dữ liệu đều được mã hóa bằng một hệ thống ngôn ngữ, được xử lý ngày càng thông minh và được chia sẻ rộng rãi trên toàn thế giới. Khi được áp dụng vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, chuyển đổi số làm cho thế giới có kết cấu và phương thức vận hành với nhiều điểm căn bản khác trước.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ rõ, mỗi thời đại kinh tế phân biệt với các thời đại khác, không phải ở chỗ sản xuất ra cái gì, mà là sản xuất bằng cái gì và như thế nào. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, giống như ba cuộc đầu tiên, đang tạo ra các tư liệu sản xuất và phương pháp sản xuất mới, báo hiệu sự ra đời của một thời đại kinh tế mới, mà đến lượt mình, lại làm cho các quy luật lịch sử diễn ra dưới biểu hiện khác trước. Trên thế giới, thuật ngữ “xã hội 4.0”, thậm chí “xã hội 5.0” đang rất thịnh hành, phản ánh nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong nắm bắt, thích nghi và phát triển phù hợp với nội dung, yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Mọi mục tiêu và toàn bộ con đường phát triển phía trước của Việt Nam nhất thiết phải được đặt trong khung khổ thời đại mới, thời đại chuyển đổi số, tồn tại trong đời sống ảo, xã hội kết cấu mạng, hoạt động theo trí tuệ nhân tạo, khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp…

*Tầm nhìn về cuộc cạnh tranh cơ hội và các điều kiện phát triển đang diễn ra gay gắt trên thế giới hiện nay*. Đại hội XIII của Đảng đã kịp thời chỉ rõ: “Cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, tranh giành thị trường, các nguồn tài nguyên, công nghệ, nhân lực chất lượng cao, thu hút đầu tư nước ngoài giữa các nước ngày càng quyết liệt, tác động mạnh đến chuỗi sản xuất và phân phối toàn cầu”(12). Nhu cầu phát triển của các nước trên thế giới là vô cùng lớn, nhưng khả năng đáp ứng của các nguồn lực thì rất có hạn, nhiều nơi đã cạn kiệt. Thị trường đầu vào và thị trường đầu ra đều có tầm quan trọng sống còn đối với nền sản xuất - kinh doanh. Nếu như ở các thời đại trước, cuộc chiến tranh giành giật, phân chia lại thị trường thế giới đã đẩy các cường quốc vào nhiều cuộc chiến tranh thế giới, chiến tranh khu vực, chiến tranh cục bộ, thì ngày nay cuộc chiến này cũng rất nóng bỏng, nhiều khi mang tính sống còn. Chiến tranh vùng Vịnh sau năm 1991, chiến tranh Côxôvô năm 1999, chiến tranh Apganistan (2001-2021), chiến tranh thương mại Mỹ - Trung năm 2018, chiến tranh phá hoại kiểu mới của Mỹ ở Vênêxuêla trong nhiều năm qua, tranh chấp ở Biển Đông…đều có căn nguyên, động lực từ các lợi ích địa - chiến lược, địa - kinh tế không thể che giấu.

Trong bối cảnh hiện tại và cả trong dài hạn, các quốc gia, nhất là các nước lớn sẽ cạnh tranh không khoan nhượng với nhau về các nguồn lực chiến lược như nhiên liệu, lương thực - thực phẩm, nước ngọt, sắt thép, khoáng sản, nguồn nhân lực đã qua đào tạo, linh kiện, thiết bị có hàm lượng khoa học công nghệ cao, tiền tệ, thông tin, thị trường tiêu thụ có sức mua lớn… Trong cuộc cạnh tranh này, lô gích cơ bản vẫn có tổng bằng không, vì thế lực này đã giành được cơ hội, điều kiện phát triển thì những thế lực khác sẽ phải nhận những điểm trừ tương ứng, hệt như lô gích sinh tử giữa sư tử và linh dương trong một môi trường mà không thể diễn ra trò chơi các bên đều thắng (win-win).(13)

***3.2. Xây dựng, bổ sung, hoàn thiện tư duy chiến lược đúng đắn, phù hợp***

Tư duy chiến lược là loại hình tư duy riêng có của đội ngũ tinh hoa, trước hết là người lãnh đạo. Để lãnh đạo thực hiện thành công con đường phát triển và các mục tiêu chiến lược của Việt Nam đến giữa thế kỷ XXI, rất cần có tư duy chiến lược đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với điều kiện cụ thể và với lợi ích, nguyện vọng của nhân dân. Trong bối cảnh hiện nay, cần chú trọng đảm bảo một số yêu cầu sau đây:

***Một là,*** nắm vững và thực hiện tốt các nội dung cơ bản của tư duy chiến lược: mục tiêu chiến lược nhất quán; phương châm chiến lược rõ ràng; lộ trình chiến lược cụ thể; nguồn lực chiến lược đầy đủ; phương án xử lý tình huống chiến lược sẵn sàng. Trong 5 nội dung này, đối với Việt Nam hiện nay cần chuẩn bị thật đầy đủ, kịp thời các nguồn lực chiến lược nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi các mục tiêu có nền công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp vào năm 2025; có nền công nghiệp hiện đại, đạt mức thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045.

*Các nguồn lực đầu vào cho nền sản xuất* phải là ưu tiên hàng đầu. Theo số liệu năm 2021, tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước đạt xấp xỉ 333 tỷ USD so với quy mô GDP trên 350 tỷ USD.(14) Việt Nam nhập khẩu chủ yếu là các nguyên liệu, thiết bị, linh kiện cho nền sản xuất. Trên nhiều lĩnh vực sản xuất, phải nhập khẩu 70-80% đầu vào và có một số lĩnh vực, con số này lên tới trên 90%. Tình trạng này đã kéo dài nhiều năm qua như hệ quả không tránh khỏi của sự thiếu vắng nền công nghiệp nền tảng và nền công nghiệp phụ trợ; đồng thời, bộc lộ một trong những điểm yếu trong tư duy chiến lược cần được khắc phục kịp thời.

*Các nguồn lực kết cấu hạ tầng* ở nước ta vẫn chưa đảm bảo cho nhu cầu phát triển. Tuy có nhiều tiến bộ, nhưng hệ thống kết cấu hạ tầng còn nhiều hạn chế, yếu kém, lạc hậu, thiếu đồng bộ, kém tính kết nối, hiện đang là điểm nghẽn của quá trình phát triển. Kết cấu hạ tầng thông tin, số hóa, logistic…cũng chưa đáp ứng nhu cầu phát triển hiện tại và tương lai.

*Các nguồn lực khoa học công nghệ* còn thiếu và yếu trên nhiều lĩnh vực cơ bản. Năm 2017 đánh dấu bước tiến khả quan của đất nước trên lĩnh vực khoa học công nghệ, nhưng Việt Nam cũng chỉ có 669 bằng sáng chế, so với 1.439 và 3.133 của Malaixia và Thái Lan; ngoài ra, 90% trong số 669 bằng sáng chế nêu trên là thuộc độc quyền của các cá nhân, tổ chức nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam. Mức độ tự chủ về khoa học công nghệ quốc gia còn thấp; gần 65% công nghệ đang được sử dụng ở các doanh nghiệp Việt Nam đến từ các nước đang phát triển, trong đó hơn 30% đến từ Trung Quốc. (15) Không thể giữ vững độc lập tự chủ và chủ quyền quốc gia trong thời đại ngày nay nếu không tự chủ ở mức cơ bản về khoa học công nghệ.

*Nguồn nhân lực* là điểm yếu cuối cùng của Việt Nam trên con đường phát triển hướng tới các mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI. Tuy quy mô khá lớn: 55,7 triệu người lao động trong tổng dân số hơn 98 triệu người (2020), nhưng chất lượng nguồn nhân lực không cao: chỉ gần 15% đã qua đào tạo; chênh lệch rất lớn giữa thành thị và nông thôn, miền núi; còn trên 1 triệu người thất nghiệp… Theo số liệu thống kê năm 2019 của Bộ Kế hoạch - Đầu tư, năng suất lao động của Việt Nam chỉ bằng 7,6% của Singapore; 19,5% của Malaysia; 37,9% của Thái Lan; 45,6% của Indonesia; 56,9% của Philippines, 68,9% của Brunei; 88,7% của Lào; 90% của Myanmar và cao hơn Campuchia.(16)

***Hai là,*** xây dựng tư duy đột phá và xác định trúng các ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Tư duy đột phá (breakthrough thinking), một số nơi còn gọi là tư duy đột phá phi thường (extraordinary breakthrough thinking - EBT), là sự kết hợp của tư duy duy lý, bằng trí tuệ khoa học với tư duy trực giác, bằng trí tuệ cảm xúc nhằm nhận biết và giải quyết các vấn đề đồ sộ, mới mẻ của thế giới ngày nay. Đây là tư duy nhấn mạnh tính duy nhất của giải pháp cho từng vấn đề và tính hệ thống giữa các giải pháp, rất chú trọng vạch ra giải pháp sau giải pháp. Đối với Việt Nam, quốc gia có thể chế chính trị nhất nguyên, một Đảng duy nhất lãnh đạo, cầm quyền, tư duy đột phá có giá trị bổ sung cần thiết cho nguyên tắc thống nhất về đường lối, chủ trương, chính sách và sự lãnh đạo, quản lý, điều hành. Tư duy đột phá rất thống nhất với phương pháp luận duy vật biện chứng có linh hồn sống nằm ở “phân tích cụ thể một trường hợp cụ thể”; và cũng có điểm tương đồng với quan điểm của Hồ Chí Minh “chủ trương một thì giải pháp phải mười”. Không thể có giải pháp giống nhau cho mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cũng không thể bê nguyên các giải pháp trong bối cảnh bình thường sang bối cảnh bình thường mới vừa phòng chống COVID-19 vừa phát triển kinh tế - xã hội hiện nay…

Xác định trúng các ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội luôn luôn là vấn đề quyết định sự thành bại, thậm chí sự hưng thịnh hay suy vong của một quốc gia. Không thể phát triển ngay một lúc tất cả các lĩnh vực, các địa bàn, mà phải cái trước, cái sau, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình, bước đi thích hợp. Nhờ biết tạm gác lại nhiều mục tiêu, nhiệm vụ và toàn Đảng, toàn dân ưu tiên đổi mới kinh tế, tập trung vào thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn (sản xuất lương thực - thực phẩm; sản xuất hàng tiêu dùng; sản xuất hàng xuất khẩu), nên chỉ trong vòng 10 năm đổi mới (1986-1996) Việt Nam đã khắc phục được nạn đói, tình trạng khan hiếm hàng hóa, khan hiếm ngoại tệ, ra khỏi khủng hoảng, bước vào thời kỳ mới của sự phát triển. Ngược lại, Liên Xô đã chuyển trọng tâm từ cải tổ kinh tế sang cải tổ chính trị một cách vội vàng, thiếu chuẩn bị, nên đã không những không khắc phục được khủng hoảng, mà còn rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng hơn và đi đến tan rã vào cuối năm 1991.

Trong bối cảnh quốc gia đang phát triển có thu nhập trung bình hiện nay phấn đấu đạt những trình độ phát triển cao hơn trong 2 - 3 thập kỷ sắp tới, *Việt Nam cần ưu tiên công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Đây là một quá trình kinh tế, kỹ thuật - công nghệ và kinh tế - xã hội toàn diện, sâu rộng nhằm chuyển đổi nền sản xuất và xã hội Việt Nam từ trình độ nông nghiệp lạc hậu lên trình độ công nghiệp với các nền tảng công nghệ ngày càng tiên tiến, hiện đại. Các chuyên gia trên thế giới đã khái quát 4 trình độ công nghiệp hóa từ thấp đến cao: thấp nhất là trình độ lắp ráp *(*assemblement)*;* tiếp đó là trình độ sản xuất với kỹ thuật riêng (own engineering manufacturing-OEM); cao hơn là trình độ sản xuất với thiết kế riêng (own design manufacturing-ODM); cao nhất là trình độ sản xuất với thương hiệu riêng (own brand manufacturing-OBM).(17) Nhìn trên nhiều phương diện, Việt Nam đang ở trình độ rất thấp.

Để tiến lên trình độ công nghiệp hóa ngày càng cao, mỗi quốc gia nhất thiết phải có một số ngành xản xuất công nghiệp nền tảng, mà thiếu chúng thì không thể triển khai các ngành công nghiệp khác. Các ngành luyện kim, cơ khí, chế tạo, năng lượng, hóa chất… chính là những nền tảng cho các ngành công nghiệp khác có điều kiện, tiền đề xây dựng, phát triển. Trên thực tế, không ít quốc gia đã không dành sự quan tâm ở tầm chiến lược cho các ngành công nghiệp này. Hệ quả trực tiếp là nền sản xuất công nghiệp quốc gia về cơ bản dừng lại ở trình độ lắp ráp và các ngành công nghiệp phụ trợ cũng không thể phát triển, nền công nghiệp quốc gia ngày càng lép vế trước các cơ sở công nghiệp thuộc các nhà đầu tư nước ngoài.

Trong thế giới ngày nay, quá trình công nghiệp hóa của mỗi quốc gia không thể tiến hành biệt lập, khép kín mà phải đặt trong chuỗi sản xuất - kinh doanh toàn cầu. Đối với Việt Nam, đòi hỏi này trở nên bức thiết gấp bội vì nền kinh tế nước ta đã hội nhập rất sâu với nền kinh tế thế giới: giá trị tổng kim ngạch xuất nhập khẩu bằng 160-200% GDP trong những năm vừa qua. Bởi vậy, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta phải là quá trình cơ cấu lại nền kinh tế theo lợi thế cạnh tranh; đảm bảo tự chủ kinh tế quốc gia thông qua đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

***3.3. Nâng cao năng lực lãnh đạo chiến lược, đảm bảo ra quyết định lãnh đạo kịp thời, đúng đắn và chủ động trước các tình huống chiến lược trong công cuộc xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa***

Lãnh đạo chiến lược bao gồm ba nội dung: phân tích chiến lược, hoạch định chiến lược và thực hiện chiến lược. Phân tích chiến lược là phân tích, đánh giá môi trường bên trong và bên ngoài, mục tiêu và không gian chiến lược, khoảng cách giữa hiện tại và mục tiêu chiến lược. Hoạch định chiến lược là xác định phương châm, lộ trình, bước đi, kế hoạch và các nguồn lực thực hiện chiến lược. Thực hiện chiến lược là ra các quyết định chiến lược, chủ động ứng phó trước các tình huống chiến lược, tổ chức triển khai chiến lược đến thành công. (18)

Vận dụng vào thực tế Việt Nam, lãnh đạo chiến lược bao hàm quá trình xây dựng và thực hiện đường lối, chủ trương, chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây trước hết là trách nhiệm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu. Trong tình hình hiện nay, cần đặc biệt quan tâm đảm bảo ra quyết định chiến lược kịp thời, đúng đắn, không được sai lầm về đường lối và chủ động ứng phó trước các tình huống chiến lược.

Sinh thời, lãnh tụ V.I. Lênin luôn luôn yêu cầu chính Đảng Bônsêvích tuyệt đối không được sai lầm về đường lối và Người cũng xác định nội dung lãnh đạo hàng đầu là lãnh đạo về chính trị, lãnh đạo xây dựng đường lối đúng đắn, kịp thời.

Theo nghĩa đầy đủ nhất ở Việt Nam hiện nay, đường lối bao gồm đường lối xuyên suốt sự nghiệp cách mạng, gắn với con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đường lối trong từng thời kỳ phát triển và đường lối cho từng nhiệm kỳ Đại hội Đảng. Trong nhiều trường hợp, đường lối được diễn đạt cụ thể thành những chủ trương và định hướng chính sách. Ở tầm các chủ trương và định hướng chính sách, trong thời gian qua đã có lúc, có lĩnh vực diễn ra sự chậm trễ, bất cập mà nhất thiết phải được phòng tránh trong thời kỳ mới.

**Đánh giá chung về 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước (bổ sung, phát triển năm 2011), 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, 30 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới**, Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ các hạn chế: “Kinh tế - xã hội phát triển vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của đất nước và còn nhiều khó khăn, thách thức. Công cuộc đổi mới tiếp tục đặt ra nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn cần phải tập trung giải quyết để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là việc nhận thức, giải quyết đúng, hiệu quả các mối quan hệ lớn”(19).

Những hạn chế nêu trên không chỉ là hệ quả của chính sách, mà còn của một số chủ trương, định hướng chính sách chưa thật sự phù hợp, kịp thời như Đại hội cụ thể hóa: thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều vướng mắc, bất cập; đổi mới giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ chưa thật sự trở thành động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đất nước trong tình hình mới…

Trong bối cảnh này, yêu cầu hàng đầu đặt ra cho lãnh đạo chiến lược ở Việt Nam là lãnh đạo thực hiện thành công ba đột phá chiến lược đã được nêu ra từ các Đại hội XI (2011), XII (2016) và được bổ sung, cập nhật trong văn kiện Đại hội XIII (2021) gồm:

*Một là*, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển.

*Hai là*, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*Ba là*, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội; ưu tiên phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số. (20)

Trên con đường phát triển từ nay đến giữa thế kỷ XXI, bên cạnh những thuận lợi, thời cơ, Việt Nam cũng phải vượt qua nhiều khó khăn, nguy cơ, thách thức xuất hiện cả bên trong và đến từ bên ngoài. Trong lãnh đạo chiến lược, cần chủ động phòng ngừa và ứng phó hiệu quả trước các tình huống chiến lược sau đây:

*Thứ nhất, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” không được khắc phục, bùng phát thành lực lượng làm thay đổi định hướng phát triển*. Tình huống này đến từ cả hai thái cực “tả” khuynh và hữu khuynh, cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại… Về chính trị, mọi sự tuyệt đối hóa hoặc xem nhẹ mục tiêu chủ nghĩa xã hội đều dẫn chế độ xã hội chủ nghĩa đến thất bại. Về kinh tế, cả quan điểm bác bỏ kinh tế thị trường và quan điểm kinh tế thị trường không định hướng đều phá hủy con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Về văn hóa - xã hội, tách rời việc xây dựng con người xã hội chủ nghĩa khỏi các điều kiện cụ thể của đất nước hoặc thái độ hư vô không cần xây dựng con người xã hội chủ nghĩa đều thủ tiêu chủ thể lịch sử xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Về đối ngoại, lấy hệ tư tưởng làm tiêu chí hàng đầu, duy nhất hoặc tuyệt đối hóa lợi ích quốc gia dân tộc, không gắn với sự nghiệp cách mạng trên thế giới đều vi phạm một trong những bài học kinh nghiệm quý báu của cách mạng Việt Nam là kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Để chủ động phòng ngừa và ứng phó hiệu quả với tình huống chế độ xã hội chủ nghĩa tự tan rã từ bên trong, điều trước tiên là phải lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ then chốt, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Cần rút kinh nghiệm từ những năm vừa qua, nhất thiết phải làm từ trên xuống, yêu cầu cán bộ chức danh càng cao thì càng phải nêu gương thực chất, công khai thông tin cho cán bộ, đảng viên và nhân dân biết, tin tưởng, noi theo. Phải đặc biệt coi trọng xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược. Chủ trương này cần được thể chế hóa kịp thời với những chương trình, kế hoạch, quy định cụ thể.

*Thứ hai, xung đột, chiến tranh bùng nổ do cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, hoặc tranh chấp về chủ quyền biển đảo ở Biển Đông không được kiểm soát*. Trong cả hai kịch bản của tình huống này, Việt Nam nằm trọn trong vùng chiến sự, sẽ mất đi toàn bộ môi trường hòa bình và các điều kiện quốc tế thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trước tình huống đặc biệt nguy hiểm này, Việt Nam cần nhất quán thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, giương cao ngọn cờ hữu nghị, chính nghĩa, không chọn bên, không dùng quan hệ với nước này để chống nước khác, tích cực tham gia định hình các thể chế khu vực và thế giới theo hướng không tạo điều kiện cho cạnh tranh chiến lược biến thành giao chiến quân sự giữa các nước lớn. Cần tranh thủ phát triển nhanh và bền vững, kết hợp chặt chẽ xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân. Cần có kế hoạch, giải pháp cụ thể triển khai một cách hiệu quả phương châm bảo vệ Tổ quốc, phòng tránh các nguy cơ xung đột, chiến tranh từ sớm, từ xa, bảo vệ đất nước từ lúc nước chưa nguy, ngay trong bối cảnh hòa bình./.

CÂU HỔI ÔN TẬP:

1. Đồng chí hãy trình bàycơ hội và thách thức trong quá trình thực hiện các định hướng và mục tiêu chiến lược của Việt Nam đến giữa thế kỷ XXI.

2. Đồng chí hãy trình bày yêu cầu, nhiệm vụ và giải pháp nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo thực hiện con đường phát triển và các mục tiêu chiến lược của đất nước đến giữa thế kỷ XX.

CHÚ THÍCH:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: **Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội** (Bổ sung, phát triển năm 2011).

http://www.xaydungdang.org.vn/Home/vankientulieu/Van-kien-Dang-Nha-nuoc/2011/3525/cuong-linh-xay-dung-dat-nuoc-trong-thoi-ky-qua-do-len-chu-nghia-xã-hoi.aspx

1. UNDP: **2020 Human Development Report,** <http://hdr.undp.org/en/2020-report>
2. **Bản tin Hội đồng Lý luận Trung ương**, <http://hdll.vn/vi/thong-tin-ly-luan-thuc-tien/toan-canh-kinh-te-xa-hoi-viet-nam-nam-2021.html>
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: **Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.** Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.112
4. **Developed Economy,** <https://www.investopedia.com/terms/d/developed-economy.asp#axzz1legO8olO> (truy cập 20/2/2022)
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: **Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.** Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.218-219
6. Sách trên, tr.103-104 và 107
7. **Những thành tựu nổi bật của đất nước,** https://special.vietnamplus.vn/2021/01/20/35\_nam\_doi\_moi/
8. Graham Allison**: Định mệnh chiến tranh.** Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, bản dịch của Thế Phương.
9. **NATO's Jens Stoltenberg sounds warning on China's rise,** <https://www.dw.com/en/natos-jens-stoltenberg-sounds-warning-on-chinas-rise/> (truy cập 10h20 sáng 21-2-2022)
10. Department of Economic and Social Affairs, UN: **The 17 goals**. <https://sdgs.un.org/goals> (truy cập 14h20 ngày 21-2-2022)
11. Đảng Cộng sản Việt Nam: **Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.** Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.106
12. Xem Mohammed bin Rashid Al Maktoum: **Tầm nhìn thay đổi quốc gia; điều kỳ diệu ở Dubai**. Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội, 2019
13. **Xuất nhập khẩu lập kỷ lục với kim ngạch gần 670 tỷ USD,** <https://baochinhphu.vn/xuat-nhap-khau-lap-ky-luc-voi-kim-ngach-gan-670-ty-usd-102306342.htm> (truy cập 15h25 ngày 22-2-2022)
14. **90% bằng sáng chế tại Việt Nam được cấp cho người nước ngoài,** <https://nld.com.vn/kinh-te/90-bang-sang-che-tai-viet-nam-duoc-cap-cho-nguoi-nuoc-ngoai-20200720182817104.htm>, (truy cập 9h5 ngày 23-2-2022)
15. **Thực trạng phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay,** <https://irdm.edu.vn/thuc-trang-nguon-nhan-luc-viet-nam/> (truy cập 9h40 ngày 23-2-2022)
16. **Understand ODM, OEM, OBM,** <https://www.starlity.com/post/odm-obm-oem> (truy cập 14h30 ngày 24-2-2022)
17. Avinash K. Dixit, Barry J. Nalebuff: [**Tư duy chiến lược - Lý thuyết trò chơi thực hành**.](https://drive.google.com/file/d/1Ko4CLqMM_htZgMDSV6y2dBTc69zq2EaZ/view) Tiến Dũng Nguyễn, Ngọc Liên Lê dịch (truy cập 15h00 ngày 24 tháng 2 năm 2022)
18. Đảng Cộng sản Việt Nam: **Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.** Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.103
19. Sách trên, tr.203-204

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

(Dùng cho học viên)

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: **Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.** Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, tập I, Hà Nội, 2021.
2. Nguyễn Phú Trọng: **Đoàn kết, vững tin đưa đất nước vào giai đoạn mới,** Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
3. Nguyễn Phú Trọng: **Tầm nhìn chiến lược và ý chí vươn lên của dân tộc** (Báo Nhân Dân tuyển chọn), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
4. Mohammed bin Rashid Al Maktoum: **Tầm nhìn thay đổi quốc gia; điều kỳ diệu ở Dubai**. Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội, 2019
5. Minh Trí: **Đại hội XIII: tầm nhìn, tư duy chiến lược và quan điểm mới,** http://thinhvuongvietnam.com/Content/dai-hoi-xiii-tam-nhin-tu-duy-chien-luoc-va-quan-diem-moi-ky-1-6122

*Tháng 7 năm 2023*